

Bản án số: 131/2022/HCPT

Ngày: 25/04/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Ông Hoàng Văn Hạnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 654/2020/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3203/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

* **Người khởi kiện:** Bà Phan Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm Hùng T1, thôn Lam C, xã Nhân T2, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam; Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị kiện:** Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà N ; địa chỉ trụ sở: Số 163, Trường C, phường Minh Ki, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Lý N, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý N, Hà Nam; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã Nhân M, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Phan Thị N1, sinh năm 1946 và ông Phan Châu G, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: Thôn Mỹ Đ, xã Nhân M, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam; Cả 02 đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Năm 1954, cụ Phan Văn T4 và cụ Trần Thị T5 (Phan Thị T6) đều ở xã Nhân M, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam nhận anh Phan Anh T7, anh Phan Ngọc V về nuôi, vì bố mẹ của anh T7 và anh V đã mất (khi đó anh T7 mới 8 tuổi và anh V mới 4 tuổi). Anh T7, anh V đi bộ đội và hy sinh đã được công nhận là liệt sĩ (liệt sĩ T7 hy sinh ngày 29/6/1972, liệt sĩ V hy sinh ngày 06/8/1972).

Năm 1997, cụ Phan Văn T4 có đơn đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận cụ là người có công nuôi 02 liệt sĩ nêu trên, nên ngày 11/01/1998, thôn 9, xã Nhân M đã tổ chức họp xã viên để xem xét đơn đề nghị của gia đình cụ Trần về việc nuôi dưỡng hai liệt sĩ. Ngày 20/3/1998, Đảng ủy, UBND xã Nhân M có tờ trình gửi UBND huyện Lý N và Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đề nghị xem xét chế độ công sức nuôi 02 liệt sĩ T7 và liệt sĩ V cho gia đình cụ Phan Văn T4. Ngày 23/5/1998, UBND huyện Lý N có tờ trình gửi Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đề nghị giải quyết chế độ công nuôi liệt sĩ. Cụ Trần Thị T5 chết 22/6/2000, cụ Phan Văn T4 chết 09/10/2000. Ngày 10/11/2000, Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 207/QĐ-TBLS, công nhận cụ Trần có công nuôi liệt sĩ Phan Ngọc V và được hưởng 01 định xuất trợ cấp tuất liệt sĩ. Phòng LĐTB&XH huyện Lý N, UBND xã Nhân M đã trả tiền tuất cho cụ T4 được 02 tháng (tháng 11 và 12/2000) với số tiền là 180.000đ (tương ứng với 90.000đ/ tháng, số tiền này bà Phan Thị N1 là con gái cụ Trần đã nhận) và chấm dứt chi trả chế độ đối với cụ Trần từ tháng 01/2001.

Ngày 07/10/2003, bà Phan Thị T (con gái cụ Trần) có đơn khiếu nại đến Sở LĐTB&XH và UBND tỉnh Hà Nam đề nghị giải quyết chế độ đối với người có công nuôi liệt sĩ cho cụ Phan Văn T4 nhưng đều không được chấp nhận. Bà T tiếp tục gửi đơn đến Thanh tra Chính phủ. Ngày 20/7/2007, Thanh tra Chính phủ ban hành Kết luận số 1513/KLTT-TTTP. Trong kết luận có nêu: Việc gia đình cụ Phan Văn T4 chưa được công nhận có công nuôi liệt sĩ chủ yếu do các yếu tố khách quan. Quyết định công nhận cụ Trần có công nuôi liệt sĩ Phan Ngọc V và việc chi trả tiền trợ cấp hàng tháng kể từ ngày có quyết định của Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam là phù hợp với quy định. Việc gia đình cụ Trần nuôi liệt sĩ Phan Anh T7 08 năm có thể vận dụng xem xét để công nhận gia đình cụ Phan Văn T4 có công nuôi liệt sĩ T7 theo quy định tại Nghị định số 28-NĐ/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ. Về tiền tổ chức lễ báo tử liệt sĩ, gia đình Bà T đề nghị được truy lĩnh mức 240.000đ/1 liệt sĩ quy định tại Nghị định số 28-NĐ/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ là không có căn cứ vì địa phương đã tổ chức lễ báo tử cho 02 liệt sĩ từ năm 1973 và 1974 với kinh phí từ Ngân sách Nhà Nước. Tiền tuất lần đầu của người nuôi dưỡng 02 liệt sĩ, Bà T đề nghị được truy lĩnh cho cụ Phan Văn T4 theo Nghị định số 28-NĐ/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ là không có căn cứ. Gia đình cụ Phan Văn T4 đã được nhận 2.000.000đ về chế độ cấp một lần đối với thân nhân người có công với cách mạng đã chết trước ngày 01/01/1995 mức 1.000.000đ/1 liệt sĩ theo quy định tại

Nghị định số 59/2003/NĐ-CP ngày 04/6/2003 của Chính phủ. Thực hiện kết luận của Thanh Tra Chính phủ, ngày 30/10/2007, Giám đốc Sở LĐTB&XH tiếp tục ban hành Quyết định 127/QĐ-LĐTBXH về việc điều chỉnh bổ sung định xuất và mức trợ cấp tiền tuất liệt sĩ, công nhận cụ Phan Văn T4 có công nuôi dưỡng với hai liệt sĩ T7, liệt sĩ Vạn. Tuy nhiên, bà Phan Thị T vẫn tiếp tục làm đơn gửi các cơ quan có thẩm quyền đề nghị giải quyết chế độ đối với cụ Trần và cụ Tấn theo quy định. Ngày 18/9/2018, Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam ban hành Văn bản số 1250/LĐTBXH-TTR trả lời các nội dung đơn của bà Phan Thị T.

Ngày 17/6/2019, Bà T làm đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 18/8/2019 và ngày 06/11/2019 yêu cầu: Hủy Văn bản số 1250/LĐTBXH-TTR ngày 18/9/2018 của Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam về việc trả lời đơn thư. Buộc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam trả cho cụ Trần, cụ Tấn những quyền lợi, chế độ gồm: Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; Quyết định trợ cấp tiền tuất, phiếu trợ cấp tiền tuất số 14443; tiền báo tử hai liệt sĩ; tiền tuất lần đầu của liệt sĩ; tiền trợ cấp hàng tháng của cụ Phan Văn T4 từ năm 1975 đến tháng 10 năm 2000; tiền trợ cấp hàng tháng của cụ Trần Thị T5 từ năm 1973, 1974 đến tháng 6 năm 2000; tiền thờ cúng liệt sĩ với mức 600.000đ/1 liệt sĩ theo Thông tư số 12/2000/TT-BLĐTB&XH ngày 28/4/2000.

Ý kiến trình bày của người bị kiện: Các yêu cầu khởi kiện của Bà T đã được các cơ quan có thẩm quyền và Thanh tra chính phủ lần lượt giải quyết đảm bảo quyền lợi cho thân nhân liệt sĩ. Do vậy, Sở LĐTB&XH đã thực hiện đúng các chế độ cho cụ Phan Văn T4 theo đúng quy định; do đó, các yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thủy là không có căn cứ pháp luật, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng LĐTB&XH huyện Lý N, tỉnh Hà Nam trình bày: Các yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T không có căn cứ, vì các cơ quan, ban ngành có liên quan đều đã giải quyết chế độ chính sách cho thân nhân của gia đình hai liệt sĩ Phan Anh T7 và Phan Ngọc V theo đúng nguyên tắc và quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Nhân M, trình bày: Hồ sơ về chế độ chính sách của gia đình cụ Phan Văn T4 thì UBND xã đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, xử: Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Phan Thị T về việc: Bà T đề nghị: hủy văn bản số 1250 ngày 18-9-2018 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam về việc trả lời đơn thư. Buộc Sở LĐTBXH tỉnh Hà Nam trả cho cụ T4 và cụ T5 những quyền lợi, chế độ gồm: Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, Quyết định trợ cấp tiền tuất, phiếu trợ cấp tiền tuất số 14443, tiền báo tử của 02 liệt sĩ, tiền tuất lần đầu của liệt sĩ; tiền trợ cấp hàng tháng của cụ Phan Văn T4 từ năm 1975 đến tháng 10 năm 2000; tiền trợ cấp hàng tháng của cụ Trần Thị T5 từ năm 1973, 1974 đến tháng 6 năm

2000; tiền thờ cúng liệt sỹ với mức 600.000 đồng/liệt sỹ theo Thông tư số 12/2000/TT-LĐTBXH ngày 28-4-2000.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 15/9/2020, người khởi kiện là bà Phan Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Phan Thị T trình bày là bà không đồng ý đối với toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm, bà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án hành chính sơ thẩm số 14 ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thì đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử khách quan, đúng pháp luật, nội dung kháng cáo của bà Phan Thị T là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN CẤP PHÚC THẨM

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Bà T trình bày nội dung kháng cáo và nghe quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trình bày tại phiên tòa; Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định:

Yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T là khiếu kiện Quyết định hành chính đối với văn bản số 1250 ngày 18/09/2018 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam, đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét về yêu cầu khởi kiện cũng như nội dung kháng cáo của bà Phan Thị T về việc bà đề nghị: Hủy toàn bộ văn bản số 1250 ngày 18/9/2018 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 20/08/2018 Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam đã ban hành văn bản số 1059 về việc trả lời đơn thư, đến ngày 25-8-2018 Bà T đã có đơn khiếu nại đối với văn bản số 1059 nêu trên của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam. Ngày 18/09/2018 Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam đã ban hành văn bản số 1250 để trả lời cho bà Phan Thị T là đúng quy định của Luật Khiếu nại.

Về nội dung của Bà T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận gia đình Liệt sỹ: Đối với nội dung này, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thời điểm cấp Giấy chứng nhận cho cụ Phan Văn T4 về việc cụ đã có công nuôi dưỡng các Liệt sỹ Phan Anh T7 và

Phan Ngọc V thì do thời điểm này không còn thân nhân chủ yếu của các liệt sỹ nữa, vì bố mẹ đẻ của Liệt sỹ, cũng như cụ Phan Văn T4 là người có công nuôi dưỡng 2 Liệt sỹ đều đã mất, theo quy định thì việc cấp Giấy chứng nhận gia đình Liệt sỹ chỉ được thực hiện đối với thân nhân chủ yếu của Liệt sỹ, như: Bố, mẹ, vợ, con, người có công nuôi dưỡng Liệt sỹ. Như vậy, do không còn người thân chủ yếu như quy định nêu trên, nên Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam không cấp giấy chứng nhận gia đình Liệt sỹ thì cũng không trái với quy định của pháp luật đối với người có công với cách mạng như quy định tại Điều 14 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005 được sửa đổi bổ sung năm 2012; do đó, nội dung kháng cáo của Bà T là không có căn cứ để được chấp nhận.

Về việc cấp sổ trợ cấp để theo dõi, quản lý chi trả trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của Liệt sỹ thì như đã phân tích ở trên, do các Liệt sỹ Phan Anh T7, Phan Ngọc V ở thời điểm giải quyết chế độ đã không còn thân nhân chủ yếu, nên việc không cấp sổ trợ cấp để theo dõi, quản lý việc chi trả tiền trợ cấp cho thân nhân của Liệt sỹ cũng là không trái quy định của Pháp lệnh ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

Xét về yêu cầu khoản tiền tổ chức báo tử của 2 Liệt sỹ, tiền tuất được hưởng lần đầu và tiền trợ cấp hàng tháng của cụ Phan Văn T4 kể từ tháng 10/2000 trở về trước và chế độ đối với cụ bà Trần Thị T5 kể từ khi Thủ tướng Chính phủ cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho đến khi cụ Tấn qua đời; Chế độ thờ cúng Liệt sỹ một lần ở mức 600.000 đồng/tháng, cụ thể:

Về tiền tổ chức lễ báo tử: Hội đồng xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm, thấy căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có trình bày của ông Trần Xuân T8 (Nguyên là cán bộ Thương binh xã hội và là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhân M, là người phụ trách về công tác Thương binh và Xã hội thời gian đó) đã xác nhận vào các năm 1973-1974 sau khi Nhà nước báo tử Liệt sỹ đối với Liệt sỹ T7 và Liệt sỹ V thì Ủy ban nhân dân huyện Lý N đã chuyển kinh phí về cho Ủy ban nhân dân xã là quê hương của các Liệt sỹ, sau đó Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức đúng như quy định của Nhà nước. Mặc dù, bà Phan Thị T khiếu nại đòi hỏi quyền lợi về nội dung này, nhưng Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, thấy: Gia đình Bà T lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh là gia đình bà đã đứng ra lo liệu, tổ chức cho 02 liệt sỹ mà không phải là UBND xã đứng ra tổ chức như quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 28/CP của Chính phủ; do đó, không có căn cứ pháp luật để chấp nhận đề nghị của Bà T.

Đối với khoản tiền tuất chi trả lần đầu của 02 liệt sỹ: Tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 28/CP ngày 29-4-1995 của Chính phủ, thì đối với thân nhân của Liệt sỹ được hưởng tiền tuất lần đầu với mức 3 triệu đồng và khi báo tử chỉ được áp dụng đối với các trường hợp báo tử kể từ ngày 1-1-1995. Nhưng đối với Liệt sỹ T7 và Liệt sỹ V thì hồ sơ phản ánh Liệt sỹ T7 hy sinh tháng 6/1972

được tổ chức báo tử năm 1973; còn đối với Liệt sỹ V thì hy sinh tháng 8/1972 và đã được tổ chức báo tử năm 1974. Như vậy, thân nhân của 2 Liệt sỹ T7 và V không thuộc đối tượng được hưởng tiền tuất lần đầu như quy định tại Nghị định số 28/CP của Chính phủ; Do đó nội dung đề nghị của bà Phan Thị T về việc gia đình bà được truy lĩnh tiền tuất lần đầu đối với 2 Liệt sỹ như nêu trên không có căn cứ, nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy cần thiết phải giữ nguyên như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật.

Đối với khoản tiền trợ cấp hàng tháng của cụ Phan Văn T4: Kể từ tháng 10/2000 trở về trước thì thấy:

- Ngày 10-11-2000 Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà N đã có Quyết định số 207 để giải quyết cho cụ Phan Văn T4 là người đã có công nuôi dưỡng Liệt sỹ Phan Ngọc V và được hưởng chế độ trợ cấp tiền tuất hàng tháng với mức trợ cấp là 90.000 đồng/tháng. Đến tháng 12/2000 thì cụ Phan Văn T4 qua đời. Thời gian trước đó (trước khi cụ Trần mất) thì gia đình cụ đã nhận tiền của 02 tháng trợ cấp rồi là tháng 11 và tháng 12 năm 2000 (bà Nga là người ký nhận).

- Ngày 30-10-2007 Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam ban hành tiếp Quyết định số 127 để điều chỉnh lại Quyết định số 207 đã ban hành trước đó, để công nhận cụ Phan Văn T4 là người đã có công nuôi dưỡng các Liệt sỹ Phan Anh T7 và Phan Ngọc V, nên cụ Trần được hưởng thêm khoản tiền tuất về công sức nuôi dưỡng Liệt sỹ T7 kể từ tháng 11/2000.

Tại công văn số 710 về TBLS-NCC ngày 22-8-2002 của Cục TBLS-NCC thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thì việc đề nghị trả trước đối với khoản tiền trợ cấp hàng tháng cho cụ Trần được tính từ tháng 10/2000 trở về trước như đề nghị của bà Phan Thị T là không có căn cứ Pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng pháp luật; do đó, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với khoản tiền trợ cấp về tiền tuất hàng tháng của cụ Trần Thị T5 thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, thấy: Mặc dù Thủ tướng Chính phủ có cấp bằng Tổ quốc ghi công cho cụ Tấn, nhưng tại thời điểm đó cụ Trần chưa được công nhận là người có công nuôi Liệt sỹ và thời điểm lập hồ sơ để đề nghị công nhận cho cụ Phan Văn T4 có công nuôi Liệt sỹ thì cụ Tấn đã qua đời; Do đó, nội dung bà Phan Thị T đề nghị được chi trả khoản tiền trợ cấp tuất hàng tháng cho cụ Trần Thị T5 kể từ khi cụ Tấn được cấp bằng Tổ quốc ghi công cho đến khi cụ Tấn qua đời cũng không có căn cứ, nên không được Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận là đúng pháp luật.

Đối với chế độ trợ cấp thờ cúng: Do thời điểm trước năm 2013 thì gia đình Bà T chưa có đơn đề nghị được hưởng chế độ thờ cúng Liệt sỹ và cũng chưa bố trí, ủy quyền cụ thể cho người nào được đứng ra nhận tiền thờ cúng, mà

đến năm 2013 thì gia đình mới có đơn và có ủy quyền cho ông Phạm Châu Giang (con trai của cụ T4, cụ T5) đảm nhiệm việc thờ cúng, nên từ đây Sở Lao động Thương binh và Xã hội mới ban hành quyết định giải quyết chế độ thờ cúng Liệt sỹ cho gia đình Bà T là thực hiện đúng Nghị định số 31 và Nghị định số 101 năm 2013 của Chính phủ quy định. Ngoài ra, bà Phan Thị T còn trình bày thêm một số nội dung khác nhưng không có căn cứ pháp luật.

Sau khi xem xét, đánh giá một cách khách quan – toàn diện nội dung đơn kháng cáo của bà Phan Thị T thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, thấy:

Các nội dung khiếu kiện, cũng như nội dung đơn kháng cáo của bà Phan Thị T là không có căn cứ pháp luật; Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Phan Thị T, để giữ nguyên các quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 14 ngày 04-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị T là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện là bà Phan Thị T, để giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Hà Nam đã xét xử, giữa: Người khởi kiện là bà Phan Thị T và người bị kiện là Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam.

2. Về án phí: Bà Phan Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự trong vụ án
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng